

Số: /BC7N-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 07 tháng 11 đến ngày 13 tháng 11 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 30⁰C Cao nhất: 32⁰C Thấp nhất: 27⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

Lượng mưa tổng số:.....

Số giờ nắng tổng số: 07 giờ (09h-15h)

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn Sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Mùa 2022	12.547,5	Sớm (413 ha)	Trổ-chín	173	
			Thu hoạch	240	240
		Chính vụ (10.877,7 ha)	Đẻ nhánh-LĐ	9.391,7	
			Trổ	1.291	
			Chắc Chín	195	
		Muộn (575 ha)	Đẻ nhánh-LĐ	575	
Tổng				11.865,7	240

b. Cây trồng khác:

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	Loa kèn-trái-TH	4.214,1	4.629,9
- Khoai các loại	PTTL- tạo củ	70,8	75,2
- Bobo	PTTL	250	250
- Mì (trồng mới trong vụ)	PTTL-tạo củ	198,5	232,7
- Lạc	PTTL-trái	310	190,2
- Mè	PTTL-trái	83	89
- Cây rau các loại	PTTL-TH	2.700,2	2.811
- Cây đậu các loại	PTTL-TH	1.430,4	977,2
- Cây ăn quả:			

+ Nho	Lá - trái, chín - TH	1.124,6	
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH	1.010,3	
- Cây hàng năm khác: (cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều GD	1.551,8	1.623,1

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN

1. Cây Lúa:

- Bệnh đạo ôn lá gây hại trên diện tích 08 ha (tỷ lệ 6-8%), giai đoạn làm đồng, phân bố tại huyện Ninh Sơn.

- Sâu đục thân gây hại trên diện tích 01 ha (tỷ lệ 3%), giai đoạn chín, phân bố tại huyện Thuận Bắc.

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại trên diện tích 02 ha (mật độ 10-20 con/m²), giai đoạn làm đồng - trở, phân bố tại huyện Thuận Bắc.

2. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 07 ha (tỷ lệ 3-7%), phân bố tại huyện Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Bệnh mốc sương gây hại trên diện tích 17 ha (tỷ lệ 3-7%), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải, Ninh Phước và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

3. Cây Táo:

- Ruồi đục trái gây hại trên diện tích 01 ha (tỷ lệ 3-5%), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- Bệnh thối trái gây hại trên diện tích 12 ha (tỷ lệ 5-7%), phân bố tại huyện Ninh Phước.

4. Rau - đậu các loại: Dòi đục lá/hành, tỏi gây hại trên diện tích 01 ha (tỷ lệ 3-5%), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Nhìn chung, trong tuần sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng sâu đục thân, sâu cuốn lá, bệnh đạo ôn,... gây hại giai đoạn làm đồng - trở.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi sâu đục trái gây hại giai đoạn trái.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái, ruồi đục trái và bệnh thối trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG: Tiếp tục triển khai và thực hiện các công văn sau:

- Công văn số 413/TTBVTB-BVTB ngày 22/8/2022 về việc “*Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Mùa 2022*”.

- Công văn số 500/TTBVTB-BVTB ngày 17/10/2022 về việc “*Hướng dẫn phòng trừ Ốc sên phát sinh gây hại trên cây trồng*”.

- Công văn số 556/TTBVTB-BVTB ngày 14/11/2022 về việc “*Tăng cường hướng dẫn các biện pháp phòng trừ chuột và ốc bươu vàng gây hại lúa vụ Đông Xuân 2022-2023*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTB miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTB (t/h);
- Lưu HC, P.BVTB.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 07/11/2022 đến ngày 13/11/2022)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				<u>11</u>	<u>11</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>10</u>	
1	Sâu đục thân	Chắc chín	3%		01	01	0	0		0	TB
2	Sâu cuốn lá	Làm đòng- trở	10-20 con/m ²		02	02		0		02	TB
3	Bệnh đạo ôn lá	Làm đòng	6-8%		08	08	0	0		08	NS
II	Cây Nho				<u>24</u>	<u>24</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>24</u>	
1	Bộ trĩ	Lá, hoa, trái	3-7%		07	07	0	0		07	NH,PR
2	Bệnh mốc sương	Lá, trái	3-7%		17	17	0	0		17	NP,NS,NH,PR
III	Cây Táo				<u>13</u>	<u>13</u>				<u>13</u>	
1	Ruồi đục trái	Trái	3-5%		01	01	0	0		01	PR
2	Bệnh thối trái	Trái	5-7%		12	12	0	0		12	NP
V	Rau, đậu các loại				<u>01</u>	<u>01</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>01</u>	
1	Dòi đục lá/hành, tỏi	PTTL	3-5%		01	01	0	0		01	PR

Ghi chú: NP, NS, PR, NH, TB: Ninh Phước, Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Thuận Bắc